

## GIÁO DỤC NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ MÔI TRƯỜNG CHO HỌC SINH Ở MỘT SỐ TRƯỜNG TIỂU HỌC THUỘC QUẬN BÌNH THẠNH VÀ HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

QUÁCH VĂN TOÀN EM\*, NGUYỄN THANH THẢO\*\*

### TÓM TẮT

*Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh tiểu học là một giải pháp tiếp cận mới để giải quyết vấn đề về môi trường bền vững. Bài báo điều tra thực trạng nhận thức về môi trường của học sinh tiểu học ở một số trường thuộc quận Bình Thạnh và huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung giáo dục về môi trường và bảo vệ môi trường đã nâng cao nhận thức cho học sinh về môi trường, giúp học sinh có thái độ và hành vi đúng đắn bảo vệ môi trường.*

**Từ khóa:** bảo vệ môi trường, giáo dục môi trường, giáo dục tiểu học.

### ABSTRACT

#### ***Promoting environmental awareness for pupils at some primary schools in Binh Thanh and Cu Chi Districts, Ho Chi Minh City***

*Educating environmental awareness for primary school pupils is a new way of approaching to solving the problem on sustainable environment. The article is about investigating environmental awareness of pupils at some primary schools in Binh Thanh and Cu Chi Districts, HCMC. Providing the contents of environmental education and environmental protection, helps pupils form the appropriate attitudes and behaviors towards the environment protection.*

**Keywords:** environmental protection, environmental education, primary education.

### 1. Mở đầu

Hiện nay, ở Việt Nam cùng với sự gia tăng dân số, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, con người đã tác động mạnh mẽ vào tự nhiên dẫn đến suy giảm các nguồn tài nguyên và phải đối mặt với những vấn đề ô nhiễm nghiêm trọng như ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước, tiếng ồn... làm ảnh hưởng xấu đến cuộc sống và sức khỏe người dân; làm giảm nhanh chóng những loài động vật quý hiếm;

thiên tai, dịch bệnh xuất hiện nhiều... Một trong những giải pháp để ngăn ngừa các vấn đề về môi trường (MT) là phải trực tiếp làm thay đổi nhận thức của cộng đồng, của mỗi người về môi trường sống xung quanh. Chính vì vậy, công tác giáo dục môi trường cho toàn dân, nhất là thế hệ học sinh nhận thức và hành động đúng về bảo vệ môi trường (BVMT) là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Đặc biệt, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh tiểu học là một giải pháp tiếp cận mới để giải quyết vấn đề về môi trường bền vững cho hôm nay và mai sau.

\* ThS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

\*\* GV, Trường THPT Trung Phú, Củ Chi, TP HCM

Quận Bình Thạnh là quận nội thành với nền kinh tế công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp - dịch vụ - du lịch là chủ yếu. Quá trình đô thị hóa nhanh chóng, làm thay đổi diện mạo kinh tế - văn hóa xã hội của quận. Sự thay đổi đó cũng góp phần làm Bình Thạnh phải đối diện với nhiều vấn đề về môi trường. Bên cạnh đó Củ Chi cũng là huyện đang có tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa rất mạnh. Vì thế mà vấn đề về MT ở huyện cũng là vấn đề đáng lo ngại.

Việc tiến hành nghiên cứu “**Giáo dục nâng cao nhận thức về môi trường cho học sinh ở một số trường tiểu học thuộc quận Bình Thạnh và huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh**” là một yêu cầu cần thiết nhằm đánh giá thực trạng giáo dục môi trường ở một số trường tiểu học quận Bình Thạnh và huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM); từ đó, góp phần nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi đối với việc bảo vệ môi trường (BVMT) cho học sinh (HS) ở một số trường tiểu học quận Bình Thạnh và huyện Củ Chi nói riêng và học sinh bậc tiểu học (TH) ở địa bàn TPHCM nói chung.

## **2. Đối tượng, thời gian, nội dung và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Đối tượng nghiên cứu**

Giáo dục nâng cao nhận thức về môi trường cho học sinh ở 4 trường tiểu học ở quận Bình Thạnh, TPHCM (Thanh Đa: 74 HS, Thạnh Mỹ Tây: 86 HS, Trần Quang Vinh: 72 HS, Bình Lợi Trung: 77 HS) và 2 trường tiểu học ở huyện Củ Chi, TPHCM (Trung An: 70 HS, Hòa Phú: 70 HS).

**2.2. Thời gian nghiên cứu:** Tháng 10/2010 – tháng 4/2011.

### **2.3. Nội dung nghiên cứu**

Tìm hiểu thực trạng về nhận thức, thái độ đối với môi trường của HS khối 4 tại các trường TH đã chọn trước và sau khi tập huấn (**phụ lục 1**), đánh giá hiệu quả tập huấn.

### **2.4. Phương pháp nghiên cứu**

#### **2.4.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu**

Nghiên cứu các tài liệu về môi trường, thu thập và viết thành tài liệu tập huấn sát với trình độ của học sinh TH (khối 4).

#### **2.4.2. Phương pháp tập huấn**

Tập huấn trực tiếp các nội dung về môi trường cho khoảng 480 học sinh khối 4 (lấy 2 lớp, 60-90 em/trường), thuộc 4 trường TH ở quận Bình Thạnh và 2 trường tiểu học ở huyện Củ Chi.

#### **2.4.3. Nội dung tập huấn**

Tập huấn cho HS về vai trò đất, nước, không khí cũng như nguyên nhân, tác hại và biện pháp khắc phục ô nhiễm đất, nước, không khí, rác thải và tìm hiểu về vai trò của rừng cùng nguyên nhân, hậu quả và biện pháp khắc phục sự suy giảm tài nguyên rừng.

#### **2.4.4. Phương pháp xử lý số liệu**

Dùng toán thống kê ứng dụng trong sinh học như sử dụng phần mềm Excel 2007 và Stagraphic Sgplus 3.0 để xử lý các số liệu.

## **3. Kết quả và bàn luận**

### **3.1. Về phía học sinh trước khi tập huấn**

**3.1.1. Nhận thức của học sinh về môi trường và bảo vệ môi trường (Phụ lục 2)**

Để HS có thái độ và hành vi đúng mực góp phần bảo vệ MT sống thêm tươi đẹp, các em phải có một nhận thức đúng về hiện trạng MT và những tác hại của nó.

Nhận thức của HS về MT và BVMT trước tập huấn có sự khác biệt giữa các trường và giữa các câu (bảng 3.1, bảng 3.2).

Kết quả bảng phân tích 3.1 và phụ lục 2 cho thấy:

**Bảng 3.1. Sự khác biệt về nhận thức của học sinh về MT và BVMT trước tập huấn theo câu**

| Multiple Range Tests for TRUOC by CAU |       |         |                    |
|---------------------------------------|-------|---------|--------------------|
| Method: 95.0 percent LSD              |       |         |                    |
| CAU                                   | Count | LS Mean | Homogeneous Groups |
| 3                                     | 6     | 54.6467 | X                  |
| 4                                     | 6     | 74.1533 | X                  |
| 7                                     | 6     | 74.29   | X                  |
| 2                                     | 6     | 76.2883 | X                  |
| 6                                     | 6     | 79.3883 | XX                 |
| 1                                     | 6     | 81.65   | XX                 |
| 5                                     | 6     | 82.94   | XX                 |
| 8                                     | 6     | 84.0533 | XX                 |
| 9                                     | 6     | 84.8333 | XX                 |
| 10                                    | 6     | 90.355  | X                  |

Nhóm câu hỏi thứ 2 có tỉ lệ HS trả lời đúng ở mức khá (câu 2, 4, 7). Đây cũng là những kiến thức các em đã được học ở các lớp dưới như khái niệm phân loại rác thải, nguyên nhân gây ô nhiễm đất, tác hại của ô nhiễm không khí. Bên cạnh đó, các kiến thức này cũng mang tính liên hệ nên có thể một số em đã quen hoặc chưa nhận thức đầy đủ vấn đề, do đó vẫn trả lời sai.

Nhóm câu hỏi thứ 3 có tỉ lệ HS trả lời đúng ở mức trung bình (câu 3), vì vai trò của quá trình quang hợp ở thực vật

Nhóm câu hỏi thứ 1 có tỉ lệ HS trả lời đúng khá cao (câu 1, 5, 6, 8, 9, 10). Sở dĩ như vậy là do các kiến thức về cách phòng bệnh lây qua đường tiêu hóa, khái niệm trao đổi chất, hậu quả của việc chặt phá rừng bừa bãi, khái niệm nước ô nhiễm, cách xử lí rác thải đồ gây ô nhiễm nhất, nguyên nhân gây ô nhiễm nước thuộc về kiến thức các em đã được học.

các em chưa được học mà chỉ được biết đến việc trồng cây xanh để bảo vệ bầu không khí trong sạch. Và vì các đáp án gần giống nhau, các em chưa ý thức sâu sắc được vai trò quan trọng của cây xanh nên rất nhiều HS cho rằng làm như vậy là để làm đẹp cho trường và đường phố mà không biết rằng bên cạnh việc làm đẹp cho trường và đường phố, cây xanh còn có khả năng quang hợp chuyển hóa khí CO<sub>2</sub> và nước trong không khí tạo thành chất hữu cơ và O<sub>2</sub>, góp phần làm giảm ô nhiễm không khí.

**Bảng 3.2. Sự khác biệt về nhận thức của học sinh về MT và BVMT trước tập huấn theo trường**

| Multiple Range Tests for TRUOC by TRUONG |       |         |                    |
|--|-------|---------|--------------------|
| Method: 95.0 percent LSD                 |       |         |                    |
| TRUONG                                   | Count | LS Mean | Homogeneous Groups |
| 5  | 10    | 70.143  | X                  |
| 4  | 10    | 71.806  | XX                 |
| 2  | 10    | 74.935  | XXX                |
| 1  | 10    | 80.811  | XXXX               |
| 3  | 10    | 83.721  | XX                 |
| 6  | 10    | 88.143  | X                  |

Bảng phân tích 3.2 và phụ lục 2 cho thấy tỉ lệ HS trả lời đúng còn phụ thuộc vào từng trường và có thể chia làm 2 nhóm:

Nhóm trường có tỉ lệ HS trả lời đúng cả 10 câu hỏi thuộc lĩnh vực nhận thức ở mức cao: trường 6 - Hòa Phú (88,14%), trường 3 - Thạnh Mỹ Tây (83,72 %), trường 1 - Thanh Đa (80,81%). Do các trường này có cơ sở vật chất tốt, BGH nhà trường quan tâm và thường xuyên kiểm tra nhắc nhở GV thực hiện GDMT cho HS nên các em có nhận thức khá tốt về vấn đề MT và BVMT.

Nhóm trường có tỉ lệ HS trả lời đúng ở mức khá: trường 2 - Bình Lợi Trung, trường 4 - Trần Quang Vinh, trường 5: Trung An. Các trường này có cơ sở vật chất còn thiếu thốn, tuy BGH có quan tâm nhưng chưa thực sự sâu sắc. Trường Trung An là trường ngoại thành đang xây dựng lại nên phải mượn trường Trung học Cơ sở Tân Trung cũ để hoạt động, cơ sở vật chất khó khăn, điều kiện vệ sinh không được đảm bảo, BGH chỉ

tạo điều kiện cho giáo viên GDMT bằng cách cử GV đi tập huấn khi có chỉ thị của Phòng Giáo dục hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo, còn đối với HS thì cung cấp sách báo có liên quan cho các em; do đó, nhận thức về MT và BVMT còn hạn chế. Trường Trần Quang Vinh và Bình Lợi Trung là trường nội thành, tuy cơ sở vật chất chưa đầy đủ, BGH có phần quan tâm và hỗ trợ cho GV hơn là trường Trung An nhưng cũng chưa thực sự sâu sắc. Tỉ lệ BGH thường xuyên dự giờ các tiết dạy lồng ghép GDMT của GV chỉ chiếm tỉ lệ trung bình (trường Trần Quang Vinh: 50%, trường Bình Lợi Trung: 66,67%). Và do là trường nội thành nên nhận thức của HS có phần tốt hơn HS trường Trung An.

**3.1.2. Thái độ của học sinh đối với môi trường và bảo vệ môi trường (phụ lục 2)**

Sau khi đã có nhận thức đúng đắn, HS cần phải biến nhận thức đó thành thái độ và hành vi thì việc GDMT mới đạt hiệu quả.

**Bảng 3.3. Sự khác biệt về thái độ của HS đối với MT và BVMT trước tập huấn theo câu**

| Multiple Range Tests for TRUOC by CAU |       |         |                    |
|---------------------------------------|-------|---------|--------------------|
| Method: 95.0 percent LSD              |       |         |                    |
| CAU                                   | Count | LS Mean | Homogeneous Groups |
| 5                                     | 6     | 88.7367 | X                  |
| 8                                     | 6     | 90.1783 | XX                 |
| 6                                     | 6     | 91.605  | XXX                |
| 4                                     | 6     | 91.9783 | XXXX               |
| 7                                     | 6     | 92.3567 | XXXXX              |
| 3                                     | 6     | 94.1117 | XXXXX              |
| 2                                     | 6     | 95.1267 | XXXXXX             |
| 1                                     | 6     | 96.2333 | XXXXXX             |

Kết quả bảng phân tích 3.3 và phụ lục 2 cho thấy sự khác biệt giữa các câu hỏi trong phần thái độ không nhiều, có thể chia làm 2 nhóm:

Nhóm 1 gồm các câu 1, 2, 3, 4, 7 có tỉ lệ HS trả lời đúng khá cao (>92%). Các em có ý thức giữ gìn vệ sinh lớp học tốt do các em đã ý thức được cách xử lí rác thải đúng đắn và biết được tầm quan trọng của việc giữ vệ sinh MT. Các em đồng ý với ý kiến trực nhật lớp là việc cần thiết để giữ gìn vệ sinh lớp học sạch sẽ và phản đối việc vứt rác ra cửa sổ. Mặt khác, số lượng thùng rác trong sân trường và ngoài phòng học nhiều, được đặt hợp lí nên giúp HS bỏ rác đúng chỗ.

Do đã được học trong chương trình về những việc làm để bảo vệ bầu không khí trong sạch nên các em ý thức được việc nào đúng việc nào sai. Các em phản đối việc không cần dội nước sau khi đi vệ sinh vì đã có lao công của trường dọn dẹp, phản đối việc khạc nhổ bừa bãi ngoài đường vì hành động này không những làm bẩn đường phố mà còn

phát tán vi trùng mang mầm bệnh vào không khí, tán thành việc trồng và chăm sóc cây xanh là việc cần thiết để BVMT ở trường học.

Nhóm 2 gồm các câu 5, 6, 8. Các em có ý thức tốt về việc tiết kiệm điện nước. Đây là những nguồn năng lượng quý nhưng có giới hạn.

Kết quả bảng phân tích 3.4 và phụ lục 2 cho thấy:

Ý thức của HS các trường Thanh Đa, Trần Quang Vinh và Thạnh Mỹ Tây cao hơn so với các HS các trường Trung An, Hòa Phú, Bình Lợi Trung. Trường Hòa Phú tuy là trường đạt Chuẩn Quốc gia nhưng lại nằm ở ngoại thành nên các em ít nhiều bị ảnh hưởng bởi thái độ, ý thức đối với MT của mọi người xung quanh. Trường Bình Lợi Trung tuy là trường nội thành nhưng HS phần lớn là con em của những gia đình khó khăn ở khu lao động nghèo nên ý thức và thái độ của các em về vệ sinh MT cũng ít được chú ý.

**Bảng 3.4.** Sự khác biệt về thái độ của HS đối với MT và BVMT trước tập huấn theo trường

| Multiple Range Tests for TRUOC by TRUONG |       |         |                    |
|--|-------|---------|--------------------|
| -----                                    |       |         |                    |
| Method: 95.0 percent LSD                 |       |         |                    |
| TRUONG                                   | Count | LS Mean | Homogeneous Groups |
| -----                                    |       |         |                    |
| 2  | 8     | 88.4738 | X                  |
| 6  | 8     | 91.6063 | XX                 |
| 5  | 8     | 91.9638 | XXX                |
| 3  | 8     | 93.3137 | XX                 |
| 4  | 8     | 94.4488 | XX                 |
| 1  | 8     | 95.4388 | X                  |

**3.2. Về phía học sinh sau khi tập huấn**

**3.2.1. Nhận thức của học sinh về môi trường và bảo vệ môi trường (phụ lục 2)**

**Bảng 3.5.** Bảng phân tích sự khác biệt về nhận thức của HS trước và sau tập huấn

| Multiple Range Tests     |       |         |                    |
|--------------------------|-------|---------|--------------------|
| -----                    |       |         |                    |
| Method: 95.0 percent LSD |       |         |                    |
|                          | Count | Mean    | Homogeneous Groups |
| -----                    |       |         |                    |
| TRUOC                    | 60    | 78.2598 | X                  |
| SAU                      | 60    | 84.4882 | X                  |

Sau khi tập huấn nhận thức của HS đã có sự thay đổi theo hướng các em có nhận thức tốt hơn về vấn đề MT và BVMT. Tuy nhiên, sự thay đổi này cũng phụ thuộc vào từng câu hỏi và từng trường.

**Bảng 3.6.** Sự khác biệt về nhận thức của học sinh về MT và BVMT sau tập huấn theo câu hỏi

| Multiple Range Tests for SAU by CAU |       |         |                    |
|-------------------------------------|-------|---------|--------------------|
| -----                               |       |         |                    |
| Method: 95.0 percent LSD            |       |         |                    |
| CAU                                 | Count | LS Mean | Homogeneous Groups |
| -----                               |       |         |                    |
| 3                                   | 6     | 60.365  | X                  |
| 7                                   | 6     | 82.1    | X                  |
| 6                                   | 6     | 83.8583 | XX                 |
| 2                                   | 6     | 83.9567 | XX                 |
| 8                                   | 6     | 86.6717 | XX                 |
| 5                                   | 6     | 87.06   | XX                 |
| 1                                   | 6     | 87.5933 | XX                 |
| 9                                   | 6     | 88.4783 | XX                 |
| 4                                   | 6     | 91.1033 | XX                 |
| 10                                  | 6     | 93.695  | X                  |

Theo kết quả bảng phân tích 3.6, sau khi tập huấn tỷ lệ HS của các trường trả lời đúng được chia thành 2 nhóm:

Nhóm câu hỏi có tỉ lệ HS trả lời cao (>80%) gồm các câu 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9,

10. Các câu có tỉ lệ HS trả lời đúng ở mức khá là do các em đã được tập huấn về MT và BVMT. Đây là kiến thức các em đã học ở lớp dưới nên có thể các em đã quên và sau tập huấn các em có điều

kiến nhớ lại các kiến thức đã học. Riêng câu 4 có tỉ lệ HS trả lời đúng tăng cao nhất ( từ 74,15% tăng lên 91,1% ) do đây là kiến thức các em mới vừa học nên sau khi được phân tích các em dễ dàng nhớ lại và hiểu đúng vấn đề.

Riêng câu 3 có tỉ lệ HS trả lời ở mức trung bình (60,37%). Như đã phân tích ở trên, đây là một câu hỏi khó và

buổi tập huấn ngắn ngủi chưa thật sự làm cho các em có nhận thức đầy đủ nên mặc dù tỉ lệ câu trả lời đúng tăng lên nhưng không đáng kể.

Nhìn chung buổi tập huấn đã góp phần nâng cao nhận thức của HS các trường tập huấn. Tuy nhiên, hiệu quả của nó cũng phụ thuộc vào trình độ HS của từng trường.

**Bảng 3.7. Sự khác biệt về nhận thức của học sinh về MT và BVMT sau tập huấn theo trường**

| Multiple Range Tests for SAU by TRUONG |       |         |                    |
|--|-------|---------|--------------------|
| Method: 95.0 percent LSD               |       |         |                    |
| TRUONG                                 | Count | LS Mean | Homogeneous Groups |
| 4                                      | 10    | 78.607  | X                  |
| 2                                      | 10    | 80.04   | XX                 |
| 5                                      | 10    | 80.429  | XX                 |
| 3                                      | 10    | 86.869  | XX                 |
| 1                                      | 10    | 90.271  | X                  |
| 6                                      | 10    | 90.713  | X                  |

Theo bảng phân tích 3.7, nhìn chung nhận thức của HS ở các trường đều được nâng cao và cũng được chia làm 2 nhóm như trước khi tập huấn. Nhóm có tỉ lệ HS trả lời đúng khá cao (>86%) gồm các trường 1, 3, 6. Nhóm trường (trường 2 - Bình Lợi Trung, trường 4 - Trần Quang Vinh, trường 5 - Trung An) có tỉ lệ HS từ mức khá trước khi tập huấn lên mức cao (>78,61 %) sau khi tập huấn.

3.2.2. Thái độ của học sinh đối với môi trường và bảo vệ môi trường (phụ lục 3)

**Bảng 3.8. Bảng phân tích sự khác biệt về thái độ của HS trước và sau tập huấn**

| Multiple Range Tests     |       |         |                    |
|--------------------------|-------|---------|--------------------|
| Method: 95.0 percent LSD |       |         |                    |
|                          | Count | Mean    | Homogeneous Groups |
| TRUOC                    | 48    | 92.5408 | X                  |
| SAU                      | 48    | 95.76   | X                  |

Sau khi tập huấn thái độ của HS đã có sự thay đổi theo hướng các em có thái độ tốt hơn về vấn đề MT và BVMT. Tuy nhiên, sự thay đổi này có sự khác nhau giữa các trường.